

Bản án số: 885/2017/HC-PT

Ngày: 26-9-2017

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý đất đai về bồi thường,
hỗ trợ thiệt hại và tái định cư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa

Các Thẩm phán: Ông Vũ Bảo Nguyên

Bà Lê Hồng Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
37/2017/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm
2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1832/2017/QĐ-PT ngày 18
tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số
5108/2017/QĐPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Kính H, sinh năm 1985

Địa chỉ: phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Bùn H, sinh
năm: 1960

Địa chỉ: phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 017429 ngày 25/12/2015 do ông
Trần Kính H lập tại Văn phòng Công chứng Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 2476/UQ-UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Ngọc V - Phó Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn Đ - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 2477/UQ-UBND ngày 25/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trần Ngọc V - Phó Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn Đ - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Thái Tú L, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Kính H - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện ông Trần Kính H có ông Trần Bùn H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 06/7/2014, ông H nhận được Quyết định số 8365/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về duyệt Phương án số 170/PA-HĐBT ngày 26/6/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L, huyện B (Phương án số 170/PA-HĐBT).

Ngày 18/9/2014, ông H nhận được Quyết định số 8122/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi phần đất có diện tích 855m² thuộc một phần thửa số 111, tờ bản đồ số 42 theo tài liệu địa chính, bộ địa chính xã L thuộc quyền sử dụng của ông H để thực hiện dự án nêu trên.

Tại Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông H theo Phiếu chiết tính số 07/PCT-BBT ngày 22/7/2014 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B, như sau:

- Tính bồi thường, hỗ trợ về đất: Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị

trí mặt tiền đường Trần Đại N, thuộc một phần thửa số 503 tờ bản đồ số 42 theo tài liệu Bản đồ địa chính): $855\text{m}^2 \times 300.000 \text{ đồng/m}^2 = 256.500.000 \text{ đồng}$.

- Tính bồi thường hỗ trợ cây trồng, hoa màu: 6.216.000 đồng.

Tổng cộng: 262.716.000 đồng.

Sau đó tại Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014, Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ bổ sung cho hộ gia đình ông H do trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (theo quy định tại Phần X Chương II Phương án số 170/PA-HĐBT), như sau:

- Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp: $855\text{m}^2 \times 465.400 \text{ đồng/m}^2 = 397.971.000 \text{ đồng}$.

- Tính bồi thường hỗ trợ cây trồng, hoa màu: 120.000 đồng.

- Hỗ trợ đời sống: $300.000 \text{ đồng/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 3.600.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 401.637.000 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường hỗ trợ nêu trên, ngày 19/10/2014 ông H làm đơn khiếu nại yêu cầu bồi thường cho gia đình ông theo giá đất thị trường tại thời điểm thu hồi đất.

Tại Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B không chấp nhận khiếu nại của ông H, giữ nguyên toàn bộ nội dung của Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Sau đó, ông H tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng ông H đã rút đơn khiếu nại đề về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết bồi thường theo giá đất thị trường tại thời điểm thu hồi đất.

Tại Công văn số 4564/BBT ngày 07/9/2015, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B nhắc lại việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông H tại Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014, Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B; việc giải quyết khiếu nại của ông H tại Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B và đề nghị ông H liên hệ Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B ký nhận hồ sơ nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Theo ông H, Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là không đúng quy định của pháp luật vì: Các quyết định nêu trên được ban hành sau ngày 01/7/2014 nhưng khi áp giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông, Ủy ban nhân dân huyện B không áp dụng Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2013, mà lại áp dụng Luật đất đai 2003 và Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 là không đúng quy định của pháp luật; gia đình ông trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nhưng Ủy ban nhân dân huyện B không áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho gia đình ông bằng tiền từ 1,5 đến 5 lần giá đất nông nghiệp thuần, hơn nữa đất của gia đình ông là đất mặt tiền đường

Trần Đại N nên không thể hỗ trợ bằng giá đất với các hộ dân nằm sâu trong xa không có đường vào, mà phải hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp tức $300.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5 = 1.500.000 \text{ đồng/m}^2$.

Do đó, ngày 13/11/2015 và ngày 19/01/2016 ông H có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại Bản tự khai ngày 18/4/2017, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Văn H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là người đại diện hợp pháp trình bày:

* Về diện tích, vị trí và mục đích sử dụng phần đất bị thu hồi:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất số hợp đồng 01/HĐKT do Công ty Cổ phần Vạn Phú Hưng lập ngày 01/4/2009, có xác nhận của ông Trần Bùn H là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Kính H ngày 19/3/2014 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L ngày 20/3/2014; theo Tờ tự khai về tình hình sử dụng đất đai, nhà ở, vật kiến trúc và các tài sản khác hiện có trên đất bị thu hồi do ông Trần Kính H lập ngày 05/3/2007 thì ông Trần Kính H bị thu hồi phần đất có diện tích 855m^2 , thuộc một phần thửa 111, tờ bản đồ số 2, theo Tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với một phần thửa số 503 tờ bản đồ số 42, theo Tài liệu năm 2003), Bộ địa chính xã L, huyện B (theo Quyết định thu hồi đất số 8122/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L, huyện B. Phần đất này có vị trí tiếp giáp lề đường Trần Đại N và nằm trong phần đất có diện tích 2.974m^2 , loại đất HNK - Đất trồng cây hàng năm khác mà ông H được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00510/7013929 ngày 27/7/2006.

* Việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại:

Ngày 12/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 10388/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông Trần Kính H theo Phiếu chiết tính số 07/PCT-BBT ngày 22/7/2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B, như sau:

- Tính bồi thường, hỗ trợ về đất: Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí mặt tiền đường Trần Đại N, thuộc một phần thửa số 503 tờ bản đồ số 42, theo Tài liệu Bản đồ địa chính.

Diện tích $855\text{m}^2 \times$ đơn giá $300.000 \text{ đồng/m}^2 = 256.500.000 \text{ đồng}$.

- Tính bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu: 6.216.000 đồng.

Tổng cộng: 262.716.000 đồng (Hai trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

Sau đó, tại Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014, Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Trần Kính H theo Phiếu chiết tính số 39/PCT-BBT ngày 06/11/2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B, như sau:

- Tính bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, hoa màu: 120.000 đồng.
- Chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và ổn định đời sống: $855\text{m}^2 \times 465.400\text{đồng}/\text{m}^2 = 397.917.000$ đồng.

Hỗ trợ chính sách: $01 \text{ nhân khẩu} \times 300.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 3.600.000$ đồng.

Tổng cộng: 401.637.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Tổng chi phí chiết tính bồi thường, hỗ trợ theo Phiếu chiết tính số 07/PCT-BBT ngày 22/7/2014 và Phiếu chiết tính số 39/PCT-BBT ngày 06/11/2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B là 664.353.000 đồng (sáu trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng).

* Cơ sở pháp lý để bồi thường, hỗ trợ thiệt hại:

Theo Công văn số 2519/UBND-ĐTMT ngày 05/6/2014 về đơn giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ trong Dự án khu tái định cư Sing - Việt tại xã L, huyện B do Công ty TNHH Đô thị Sing-Việt làm chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định như sau:

“- Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm ngoài phạm vi khu dân cư nông thôn vị trí mặt tiền là $375.000 \text{ đồng}/\text{m}^2$.

- Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm ngoài phạm vi khu dân cư nông thôn vị trí không mặt tiền là $250.000 \text{ đồng}/\text{m}^2$.

- Giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm ngoài phạm vi khu dân cư nông thôn vị trí không mặt tiền là $200.000 \text{ đồng}/\text{m}^2$.

- Giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm ngoài phạm vi khu dân cư nông thôn vị trí mặt tiền là $300.000 \text{ đồng}/\text{m}^2$ ”.

Căn cứ khoản 1 phần V Chương II Phương án số 170/PA-HĐBT của Hội đồng bồi thường Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Sing-Việt tại xã L, huyện B, đã được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 8365/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 thì:

“a) Đơn giá đất nông nghiệp (thuần):

- Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

+ Vị trí mặt tiền: $300.000\text{đồng}/\text{m}^2$ ”.

Do phần đất ông H đang sử dụng bị ảnh hưởng trong Dự án có tổng diện tích 855m^2 , mục đích sử dụng đất HNK Đất trồng cây hàng năm khác và có vị trí tiếp giáp lề đường Trần Đại N và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H00510/7013929 ngày 27/7/2006 nên Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông Trần Kính H theo Phiếu chiết tính số 07/PCT-BBT ngày 22/7/2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B), Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 (bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông H theo Phiếu chiết tính số 39/PCT-BBT ngày 06/11/2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 giải quyết khiếu nại của ông H là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản tự khai lập ngày 01/3/2016 và ngày 28/3/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Tú L trình bày: Bà là vợ của ông Trần Kính H, phần đất đang tranh chấp hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của ông Trần Kính H và bà không có ý kiến gì trong vụ án này nên bà xin vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử tại Tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 22 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 31, khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 366 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính số 64/2010/QH12;

Căn cứ vào Điều 38, Điều 39, Điều 44, Điều 138 Luật đất đai năm 2003; khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 31, Điều 130 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Nghị định 84/2007 NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011;

Căn cứ vào Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kính H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

2. Án phí, chi phí thẩm định giá: Ông Trần Kính H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0009394 ngày 20/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Trần Kính H phải chịu 500.000 (năm trăm ngàn) đồng chi phí thẩm định giá nhưng được trừ số tiền số 500.000 (năm trăm ngàn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, ông H đã nộp đủ chi phí thẩm định giá.

3. Quyền kháng cáo: Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 7 năm 2017, ông Trần Kính H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do quyết định của bản án sơ thẩm là không thỏa đáng và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện là ông Trần Kính H có ông Trần Bùn H là người đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B để Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ lại cho ông H theo đơn giá bằng 5 lần giá đất nông nghiệp tức $300.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5 = 1.500.000 \text{ đồng/m}^2$. Các phần khác của Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 ông không có ý kiến.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Văn H là người đại diện có yêu cầu vắng mặt nhưng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Trần Ngọc V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kính H, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 là đúng quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Tú L có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về kháng cáo của ông Trần Kính H:

Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính: Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Phần đất ông H bị thu hồi có diện tích 855m^2 thuộc một phần thửa 111, tờ bản đồ số 2, theo Tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với một phần thửa số 503 tờ bản đồ số 42, theo Tài liệu năm 2003). Phần đất này ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có vị trí mặt tiền đường Trần Đại N với mục đích sử dụng đất là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm. Việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 bồi thường cho ông H phần đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, vị trí mặt tiền đường và bồi thường hoa màu cho ông H là đúng phương án. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày

26/11/2014 bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông H là đúng quy định của phương án và pháp luật.

Do đó, kháng cáo của ông H yêu cầu hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B để Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ cho ông 855m² đất theo đơn giá 1.500.000 đồng/m² là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Kính H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Văn H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là người đại diện hợp pháp và ông Trần Văn Đ - Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thái Tú L vắng mặt, nhưng các đương sự nêu trên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt họ.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với ông Trần Kính H. Ngày 10/11/2015, ông H đã có đơn khởi kiện đối với các quyết định nêu trên được Tòa án nhân dân huyện B nhận đơn ngày 13/11/2015. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính, các quyết định nêu trên là quyết định hành chính bị kiện; đơn khởi kiện của ông H là còn thời hiệu; Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án trước ngày 01/7/2016 và tiếp tục giải quyết vụ án sau ngày 01/7/2016 là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của ông Trần Kính H:

[3.1] Về áp dụng pháp luật về đất đai trong việc ban hành Quyết định số

10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B:

Tại Khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 có quy định: “*Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này*”.

Và theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì: “*Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt*”.

Đối với trường hợp của ông H, trước ngày 01/7/2017 (ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành), Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 8122/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 về thu hồi đất do ông H sử dụng để thực hiện dự án Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L, huyện B; Hội đồng Bồi thường dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Sing – Việt đã ban hành Phương án số 170/PA-HĐBT ngày 26/6/2014 về bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư Sing – Việt tại xã L, huyện B (được duyệt tại Quyết định số 8365/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B), nên việc Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003 để ban hành các Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 là đúng với các quy định nêu trên.

[3.2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

- Đối với Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B: Sau khi có Quyết định số 8122/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất của ông H và có Phương án số 170/PA-HĐBT ngày 26/6/2014 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L, huyện B, Ủy ban nhân dân huyện B (do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ký thay Chủ tịch) ban hành Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông H và sau đó ban hành Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông H là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Điều 42 Luật Đất đai 2003; Điều 5, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B: Do có khiếu nại của ông Trần Kính H đối với các quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 63 Nghị định 84/2007 NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai và Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[3.3] Về nội dung Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B:

Căn cứ Quyết định số 8122/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về thu hồi đất của ông H; Bản đồ hiện trạng vị trí (để lập hồ sơ đền bù) số hợp đồng 01/HĐKT do Công ty Cổ phần Vạn Phú Hưng lập ngày 01/4/2009 (có xác nhận của ông Trần Bùn H là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Kính H ngày 19/3/2014 và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L ngày 20/3/2014); Tờ tự khai về tình hình sử dụng đất đai, nhà ở, vật kiến trúc và các tài sản khác hiện có trên đất bị thu hồi do ông Trần Kính H lập ngày 05/3/2007 thì phần đất ông H bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L, huyện B có diện tích 855m², thuộc một phần thửa 111, tờ bản đồ số 2, theo Tài liệu 02/CT-UB (tương ứng với một phần thửa số 503 tờ bản đồ số 42, theo Tài liệu năm 2003, Bộ địa chính xã L, huyện B). Phần đất này nằm trong phần đất có diện tích 2.974m² mà ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00510/7013929 ngày 27/7/2006, có vị trí mặt tiền đường Trần Đại N và có mục đích sử dụng là loại đất HNK - đất trồng cây hàng năm khác, thuộc khu vực II vị trí 1 theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Chương II quy định về Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L lập ngày 12/3/2014 thì trên phần đất ông H bị thu hồi có cây trồng, hoa màu gồm: Xoài (kiến thiết cơ bản): 27 cây, tràm vàng (10<Ø<20): 1 cây và tràm vàng (5<Ø<10): 4 cây.

Tại Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện B đã căn cứ quy định tại Điểm a Khoản 1 Phần V Chương II (quy định giá đất để tính bồi thường), Phần III Chương III Phương án số 170/PA-HĐBT (quy định về bồi thường cây trồng, hoa màu và vật nuôi) để bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông H theo Phiếu chiết tính số 07/PCT-BBT ngày 22/7/2014, như sau:

- Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí mặt tiền đường: 855m² x 300.000 đồng/m² = 256.500.000 đồng,

- Bồi thường hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất gồm: Xoài (kiến thiết cơ bản): 27 cây x 228.000 đồng/cây = 6.156.000 đồng; trà vàng ($10 < \varnothing < 20$): 1 cây x 60.000 đồng/cây = 60.000 đồng.

Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành tiếp Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 để bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất, cây trồng, ổn định đời sống và hỗ trợ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với ông H theo Phiếu chiết tính số 39/PCT-BBT ngày 06/11/2014, như sau:

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm ngoài khu dân cư vị trí mặt tiền đường: $855\text{m}^2 \times 465.400 \text{ đồng/m}^2 = 397.917.000 \text{ đồng}$;

- Bồi thường cây trồng trà vàng ($5 < \varnothing < 10$): 4 cây x 30.000 đồng/cây = 120.000 đồng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho 1 nhân khẩu: 300.000 đồng x 12 tháng = 3.600.000 đồng.

Qua việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung nêu trên của Ủy ban nhân dân huyện B tại quyết định số 14346//QĐ-UBND, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Về hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm ngoài khu dân cư vị trí mặt tiền đường: Như trên đã nêu, phần đất của ông H bị thu hồi có mục đích sử dụng là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, có vị trí mặt tiền đường nằm ngoài khu dân cư (thuộc khu vực II vị trí 1) nên Ủy ban nhân dân huyện B hỗ trợ cho ông H phần này với số tiền 397.917.000 đồng ($855\text{m}^2 \times 465.400 \text{ đồng/m}^2$) là đúng với quy định tại Phần X Chương II Phương án số 170/PA-HĐBT quy định về hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm ngoài khu dân cư vị trí mặt tiền đường thì được hỗ trợ 465.400 đồng/ m^2 ($130.000 \text{ đồng/m}^2 \times 3.58$)) và đúng quy định tại Điều 23 của Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (về hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp); Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 3 Chương II quy định về Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (quy định giá đất nông nghiệp tại khu vực II vị trí 1 là 130.000 đồng/ m^2) và Khoản 3 Công văn số 2519/UBND-ĐTMT ngày 05/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (quy định hệ số tính mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và đào tạo việc làm cho hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp đối với đất trồng cây hàng năm vị trí mặt tiền đường là 3,58 lần giá đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định).

- Về bồi thường cây trồng trà vàng ($5 < \varnothing < 10$): Tại Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014, Ủy ban nhân dân huyện B chưa bồi thường cho ông H 4 cây trà vàng ($5 < \varnothing < 10$) theo Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án Khu tái định cư Sing – Việt tại xã L lập ngày 12/3/2014 nên Ủy ban nhân dân huyện B đã bồi thường cho ông H 4 cây trà vàng ($5 < \varnothing < 10$) x 30.000 đồng/cây = 120.000 đồng là đúng quy định tại Khoản 1 Phần III Chương III Phương án số 170/PA-HĐBT và Bảng phụ lục kèm theo Phương án 170/PA-HĐBT.

- Về hỗ trợ ổn định đời sống cho 1 nhân khẩu: Như trên đã nêu, ông H bị thu hồi phần đất nông nghiệp có diện tích 855m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng quy định tại Khoản 1 Phần I Chương IV (về hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất) để hỗ trợ cho ông H: $300.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 3.600.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

Như vậy, sau khi ban hành Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông H, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành tiếp Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất, cây trồng, ổn định đời sống và hỗ trợ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp cho ông H là áp dụng đầy đủ, đúng quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Kháng cáo của ông H yêu cầu hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B với lý do Ủy ban nhân dân huyện B chỉ hỗ trợ cho ông bằng 3,58 lần mà không hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm ($300.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.500.000 \text{ đồng/m}^2$) là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Về nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B:

Như trên đã phân tích, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 10388/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, cây trồng đối với ông H và Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất, cây trồng, ổn định đời sống và hỗ trợ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp cho ông H là đúng quy định của pháp luật nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 là có căn cứ nên kháng cáo của ông H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B là không có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kính H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B; quyết định ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phải chịu chi phí thẩm định giá là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31, Khoản 1 Điều 158, Điều 193, Khoản 1 Điều 241, Điều 366 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 5 Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính số 64/2010/QH12;

Căn cứ vào Điều 38, Điều 39, Điều 42, Điều 44, Điều 138 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 5, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 63 Nghị định 84/2007 NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai,

I. Bác đơn kháng cáo của ông Trần Kính H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, như sau:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Kính H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 14346/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2005/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

2. Án phí, chi phí thẩm định giá:

- Ông Trần Kính H phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0009394 ngày 20/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, ông H đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Trần Kính H phải chịu 500.000 (năm trăm ngàn) đồng chi phí thẩm định giá nhưng được trừ số tiền số 500.000 (năm trăm ngàn) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền ngày 10/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, ông H đã nộp đủ chi phí thẩm định giá.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Kính H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022308 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THA Dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Thoa